TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2023/DS-PT
Ngày: 31-8-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số Dân sự số 140/2023/TLPT-DS ngày 21/7/2023 về tranh chấp *"Hợp đồng Dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ hụi"* giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1965; cư trú tại số 126, đường B, Phường 1, thành phố B, tỉnh L, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Thanh D, sinh năm: 1967; cư trú số 11A, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh L, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7658, quyển số 07/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đ chứng thực ngày 07/7/2022), có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1961; cư trú tại số 53/27, đường Đ, Phường 2, thành phố B, tỉnh L, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp:

+ Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn L. Địa chỉ: lầu 8, số 19, đường C, Phường 2, Quận 3, Thành phố H {do ông Phạm Thanh Ph, sinh năm: 1980, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc)}; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6593, quyển số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Thị Q chứng thực ngày 29/7/2022 và số 012031, quyển số 08/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Bến Ng chứng thực ngày 01/8/2022), vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Xuân Th, sinh năm: 1988; địa chỉ: tầng 8, tòa nhà S – 19, đường C, Phường 2, Quận 3, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền lại (Văn bản ủy quyền số 01/08-2022/LFG ngày 02/8/2022 của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn L), có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ng – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 06/7/2022, đơn khởi kiện bổ sung của Bà Nguyễn Thị Th; lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Ông Lê Thanh D, người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị Th, thì: Do là hàng xóm của nhau nên bà Th có cho bà Ng vay nhiều lần với tổng số tiền là 5.300.000.000đ; cụ thể như sau:

Ngày 23/8/2021 cho vay 100.000.000đ, ngày 21/12/2021 cho vay 1.100.000.000đ; ngày 29/3/2022 cho vay 1.100.000.000đ; ngày 26/4/2022 cho vay 500.000.000đ; ngày 29/4/2022 cho vay 800.000.000đ; ngày 05/5/2022 cho vay 900.000.000đ; ngày 21/5/2022 cho vay 500.000.000đ; ngày 02/6/2022 cho vay 300.000.000đ; việc cho vay có lập giấy viết tay, do bà Ng trực tiếp viết nội dung, ký và ghi rõ họ tên; thỏa thuận thời hạn vay bằng lời nói, có khoản thì vay mấy ngày, có khoản thì cho vay theo tuần, có khoản thì cho vay theo tháng, có khoản thì cho vay theo năm. Lãi suất thỏa thuận bằng lời nói từ 1,5% đến 2,5%/tháng. Từ khi vay đến nay bà Ng trả tiền lãi cho bà Th cụ thể như sau: khoản vay ngày 23/8/2021 đã trả 03 tháng lãi với số tiền là 4.500.000đ, khoản vay ngày 21/12/2021 đã trả 01 tháng lãi với số tiền là 24.000.000đ, khoản vay ngày 29/3/2022 đã trả 02 tháng lãi với số tiền là 48.000.000đ, khoản vay ngày 21/5/2022 đã trả 01 tháng lãi với số tiền là 10.000.000đ.

Toàn bộ số tiền lãi này bà Ng trả không đều cho bà Th, khi nào có thì mới trả nên bà Th không nhớ cụ thể trả vào tháng nào. Trong thời gian từ khi vay tiền đến nay bà Ng có trả cho bà Th được 200.000.000đ tiền nợ gốc đối với khoản vay ngày 05/5/2022, số tiền nợ còn lại bà Ng không trả nợ gốc cũng như lãi suất cho bà Th theo thỏa thuận mặc dù bà Th đã đòi nợ nhiều lần.

Ngoài ra, ngày 20/11/2021 bà Th có mở 01 dây hụi (thường gọi là huê), loại huê 20.000.000đ/tháng, bà Th là chủ huê, hình thức chơi là huê áp thảo. Dây huê gồm 27 người chơi (tương đương với 27 phần), trong đó bà Ng chơi 02 phần. Ngày 20/4/2022 bà Ng hốt 01 phần huê với tổng số tiền là 417.100.000đ. Từ khi hốt huê đến nay bà Ng không đóng tiền cho bà Th nữa vì vậy bà Th phải đóng huê thay cho bà Ng hàng tháng. Tổng số tiền huê bà Ng nợ bà Th là 21 phần x 20.000.000đ = 420.000.000đ. Đối với 01 phần huê sống của bà Ng từ tháng 07/2022 đến tháng 10/2022 bà Ng không đóng huê nên bà Th phải đóng thay cho bà Ng số tiền 75.400.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th và người đại diện theo ủy quyền của bà Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Đối với số tiền nợ huê sau khi bà Th và bà Ng đối chiếu số tiền huê đã đóng và số tiền huê chưa đóng thì bà Ng còn nợ bà Th số tiền huê là 220.000.000đ. Nay bà Th yêu cầu bà Ng có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 5.100.000.000đ và tiền lãi 789.601.000đ và yêu cầu bà Ng phải trả tiền nợ huê là 220.000.000đ, đối với các yêu cầu khác bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời bà Th yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh L để đảm bảo thi hành án.

- Theo lời trình bày của Bà Võ Thị Xuân Th, người đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị Ng, thì: Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 5.300.000.000đ gồm 08 lần như nguyên đơn trình bày, hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu, về thời hạn trả tiền thì không nói cụ thể nhưng có thỏa thuận khi nào bà Th cần thì báo trước một thời gian để bà Ng trả tiền. Sau đó bà Ng trả cho bà Th 01 lần với số tiền 100.000.000đ và lãi suất, đến ngày 19/5/2022 bà Ng tiếp tục trả cho bà Th 800.000.000đ. Về tiền lãi bà Ng đã trả cho bà Th như sau: khoản vay ngày 21/12/2021 trả lãi đến ngày 21/6/2022, khoản vay ngày 29/3/2022 trả lãi đến ngày 29/5/2022, khoản vay ngày 26/4/2022 trả lãi đến ngày 26/5/2022, khoản vay ngày 29/4/2022 trả lãi đến ngày 29/5/2022, việc trả lãi không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, số tiền lãi đã trả cho bà Th thì bà Ng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Do vậy bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền vay gốc là 4.300.000.000đ.

Ngoài ra ngày 20/11/2021 bà Ng có tham gia chơi 02 phần huê do bà Th làm chủ, loại huê 20.000.000đ/tháng, dây huê gồm 27 phần, bà Ng đóng huê đầy đủ cho bà Th. Đến tháng 4/2022 bà Ng hốt 01 phần huê được số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ nhưng có ký xác nhận đã nhận đủ tiền do bà Th giao. Sau khi hốt huê bà Ng tiếp tục đóng huê được 02 tháng là tháng 5 và tháng 6/2022 trong đó bao gồm cả tiền huê sống và huê chết cho bà Th, kể từ tháng 7/2022 đến nay do không có khả năng nên bà Ng không đóng huê cho bà Th nữa. Sau khi bà Ng đối chiếu số tiền huê đã đóng với số tiền huê còn nợ thì hiện nay bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền huê là 220.000.000đ. Nay bà Ng đồng ý trả cho bà Th số tiền vay nợ gốc là 4.300.000.000đ và 220.000.000đ tiền nợ huê, không đồng ý trả tiền lãi. Đối với số tiền lãi trước đây bà Ng đã trả cho bà Th thì không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000đ vay ngày 23/8/2021, lãi suất 4,5%/tháng từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/8/2022 với số tiền là 49.500.000đ, rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 700.000.000đ là số tiền còn lại của khoản vay 900.000.000đ vay ngày 05/5/2022, lãi theo quy định của pháp luật, rút yêu cầu đối với số tiền nợ huê chết là 200.000.000đ, lãi suất 2,49%/tháng từ ngày 20/4/2022 đến ngày 20/7/2022 với số

tiền là 31.970.000đ, rút yêu cầu tính lãi vay của số tiền 5.100.000.000đ từ 2,49%/tháng xuống còn 0,83%/tháng với số tiền 423.701.000đ đồng thời rút yêu cầu khởi kiện đối với phần huê sống với số tiền là 75.400.000đ.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.300.000.000đ và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 0,83%/tháng, tính từ ngày 06/7/2022 đến ngày 06/5/2023 là 10 tháng là 365.900.000đ, tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.656.900.000đ, đối với tiền huê thì yêu cầu bà Ng 220.000.000đ.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 5.100.000.000đ, tiền huê là 526.770.000đ và tổng tiền lãi là 789.601.000đ vì hiện nay bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền nợ gốc là 4.300.000.000đ, tiền huê là 220.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 34.767.123đ với lãi suất 10%/năm, tổng cộng các khoản tiền mà bà Ng còn nợ bà Th là 4.554.767.123đ.

Bà Ng thừa nhận chỉ còn nợ bà Th số tiền vay gốc là 4.300.000.000đ, tiền nợ huê là 220.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến thời điểm khởi kiện của các khoản là 34.767.123đ. Do vậy tổng số tiền bà Ng còn nợ bà Th là 4.554.767.123đ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 23/2023/DS-ST ngày 01/6/2023; Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh L đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th về việc "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ hụi" đối với Bà Nguyễn Thị Ng.

Buộc Bà Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị Th số tiền vay gốc là 4.300.000.000đ; tiền lãi là 356.900.000đ và tiền nợ huê là 220.000.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đ vay ngày 23/8/2021, lãi suất 4,5%/tháng từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/8/2022 với số tiền là 49.500.000đ. Số tiền nợ gốc 700.000.000đ là số tiền còn lại của khoản vay 900.000.000đ vay ngày 05/5/2022, lãi theo quy định của pháp luật. Số tiền nợ huê chết là 200.000.000đ, lãi suất 2,49%/tháng từ ngày 20/4/2022 đến ngày 20/7/2022 với số tiền là 31.970.000đ. Lãi vay của số tiền 5.100.000.000đ từ 2,49%/tháng, xuống còn 0,83%/tháng với số tiền 423.701.000đ, tiền huê sống với số tiền là 75.400.000đ.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh L để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/6/2023 Bà Nguyễn Thị Ng kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị Th, Ông Lê Thanh D, người đại diện theo ủy quyền của bà Thi, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa Bà Nguyễn Thị Th và Bà Nguyễn Thị Ng nhiều lần xác lập giao dịch dân sự vay tài sản và nợ huê; do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ cũng như giữa các bên không thống nhất về số tiền phải thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ huê" là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Ng thì thấy rằng:

[3.1] Tại các "Giấy vay tiền" ngày 29/4/2022 thể hiện nội dung *"Tôi Nguyễn Thị Nguyệt, số nhà 33/27 Đinh Tiên Hoàng, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng có vay của em Thi số tiền 800.000.000đ"*, giấy vay tiền ngày 02/6/2022 cũng nội dung như trên vay số tiền 300.000.000đ; giấy vay tiền ngày 21/5/2022 vay số tiền 500.000.000đ; giấy vay tiền ngày 26/4/2022 vay số tiền 500.000.000đ, giấy vay tiền ngày 29/3/2022 vay số tiền 1.100.000.000đ, ngày 21/12/2021 vay số tiền 1.100.000.000đ, tổng số tiền bà Th cho bà Ng vay là 5.300.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án bà Ng thừa nhận có vay của bà Th số tiền nói trên, giấy vay tiền do bà Ng ký nhận.

Bà Th thừa nhận sau đó bà Ng trả cho bà tổng cộng 1.000.000.000đ tiền gốc, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền vay và số tiền đã trả, như vậy số tiền bà Ng còn nợ bà Th là 4.300.000.000đ. Do đó bà Th yêu cầu bà Ng trả lại số tiền nợ gốc 4.300.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Bà Ng trình bày đã trả cho bà Th một phần tiền lãi của các khoản vay tiền gốc nêu trên nhưng không xác định được số tiền là bao nhiêu, hiện nay chỉ còn nợ bà Th số tiền lãi đến thời điểm xét xử 01/6/2023 là 34.767.123đ. Tuy nhiên bà Ng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong khi

đó bà Th không thừa nhận, bà Th thừa nhận đã nhận của bà Ng số tiền lãi là 86.500.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Th chỉ yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ gốc 4.300.000.000đ trong 10 tháng (từ ngày 06/7/2022 đến ngày 06/5/2023), các bên không yêu cầu tính tiền lãi của các khoản nợ gốc đã trả; xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

Tại các giấy vay tiền thì các bên không thể hiện có thỏa thuận lãi suất nên cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để giải quyết. Bà Th yêu cầu bà Ng phải trả lãi của khoản tiền vay còn lại với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của điều luật vừa viện dẫn.

Như vậy tiền lãi từ ngày 06/7/2022 đến ngày 06/5/2023 được tính như sau: 4.300.000.000đ x 0,83%/tháng x 10 tháng = 356.900.000đ.

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi bà Ng phải trả cho bà Th là 4.656.900.000đ.

[3.3] Đối với yêu cầu của bà Th về việc buộc bà Ng trả số tiền 220.000.000đ nợ huê thì thấy rằng bà Th và bà Ng đều thừa nhận bà Ng có tham gia chơi 02 phần huê do bà Th làm chủ, ngày 20/4/2022 bà Ng hốt 01 phần huê sau đó tiếp tục đóng 02 tháng tiền huê của cả 02 phần huê mà bà Ng đã chơi. Tuy nhiên, sau đó bà Ng không có khả năng đóng tiếp nên hai bên đã đối chiếu số tiền bà Ng đã đóng huê và số tiền bà Ng chưa đóng huê. Sau khi đối chiếu thì bà Ng chỉ còn nợ bà Th số tiền 220.000.000đ. Nay bà Th yêu cầu bà Ng có trách nhiệm trả số tiền huê còn nợ này và bà Ng cũng đồng ý có trách nhiệm trả cho bà Th số tiền 220.000.000đ nên cần ghi nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26/7/2022 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ". Xét việc ban hành Quyết định vừa nêu là đúng pháp luật; để đảm bảo cho việc thi hành án của bà Ng; cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên.

[5] Với những nhận định trên; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Bà Nguyễn Thị Ng, giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm về việc buộc bà Ng phải trả nợ vay, nợ lãi và nợ huê cho bà Th cũng như phần đình chỉ các yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[6] Về án phí:

Do Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961, hiện nay đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009; có đơn xin miễn giảm án phí hợp lệ; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; sửa Bản án sơ thẩm về phần

án phí theo hướng miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm đồng thời miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho Bà Nguyễn Thị Ng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Ng, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th về việc *"Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản, tranh chấp nợ huê"* đối với Bà Nguyễn Thị Ng.

Buộc Bà Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị Th số tiền 4.876.000.000đ (bốn tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền vay gốc là 4.300.000.000đ (bốn tỷ ba trăm triệu đồng), tiền lãi là 356.900.000đ (ba trăm năm mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng), tiền nợ huê là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đ vay ngày 23/8/2021, lãi suất 4,5%/tháng từ ngày 01/9/2021 đến ngày 01/8/2022 với số tiền là 49.500.000đ. Số tiền nợ gốc 700.000.000đ là số tiền còn lại của khoản vay 900.000.000đ vay ngày 05/5/2022, lãi theo quy định của pháp luật. Số tiền nợ huê chết là 200.000.000đ, lãi suất 2,49%/tháng từ ngày 20/4/2022 đến ngày 20/7/2022 với số tiền là 31.970.000đ. Lãi vay của số tiền 5.100.000.000đ từ 2,49%/tháng, xuống còn 0,83%/tháng với số tiền 423.701.000đ, tiền huê sống với số tiền là 75.400.000đ.

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu nói trên của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh L để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho Bà Nguyễn Thị Ng.

Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Th được nhận lại số tiền 88.406.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005184 ngày 08/7/2022; số 0005205 ngày 20/7/2022; số 0005208 ngày 21/7/2022 và số 005346 ngày 17/10/2022; tất cả đều của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh L.

- Án phí phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho Bà Nguyễn Thị Ng. Bà Ng được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005815 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh L.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND tp. B (01);
- Chi cục THADS tp. B (01)
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch